

SỔ GỐC CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG DÂN TỘC THIỂU SỐ**LỚP BỒI DƯỠNG TIẾNG DÂN TỘC THÁI KHÓA 3 NĂM 2025 (K3.25)***(Quyết định số 1014 /QĐ-CĐSL ngày 21 tháng 10 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La)*

Chương trình bồi dưỡng: Theo Quyết định số 254/QĐ-CĐSL ngày 04/05/2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sơn La về việc lựa chọn chương trình, tài liệu bồi dưỡng tiếng dân tộc Thái, dân tộc Mông

Thời gian khóa học: Từ ngày 30/05/2025 đến ngày 26/09/2025

Hội đồng thi: Trường Cao đẳng Sơn La

Ngày cấp chứng chỉ: 13/11/2025

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
1	Cà Văn	Bách	08/10/2001	Nam	Thái	Sơn La	7.6	Khá	C 00076164	14/C11/2025/399		
2	Mai Linh	Chi	27/11/1995	Nữ	Kinh	Sơn La	7.8	Khá	C 00076165	14/C11/2025/400		
3	Lường Thị Thùy	Dung	18/03/1998	Nữ	Thái	Sơn La	6.9	Khá	C 00076166	14/C11/2025/401		
4	Trần Như	Dũng	07/01/1988	Nam	Kinh	Sơn La	7.4	Khá	C 00076167	14/C11/2025/402		
5	Phạm Thị	Duyên	18/07/1986	Nữ	Kinh	Nam Định	7.9	Khá	C 00076168	14/C11/2025/403		
6	Cao Việt	Dương	06/11/2001	Nam	Kinh	Sơn La	6.8	Khá	C 00076169	14/C11/2025/404		
7	Tòng Thị	Dương	11/09/1998	Nữ	Thái	Sơn La	7.8	Khá	C 00076170	14/C11/2025/405		
8	Vũ Thị	Điệp	18/08/1984	Nữ	Kinh	Hung Yên	6.6	Khá	C 00076171	14/C11/2025/406		
9	Lò Thị	Giang	05/06/1993	Nữ	Thái	Sơn La	7.7	Khá	C 00076172	14/C11/2025/407		
10	Lò Yến	Hà	28/07/1988	Nữ	Thái	Sơn La	6.9	Khá	C 00076173	14/C11/2025/408		
11	Lò Thị	Hằng	20/01/2000	Nữ	Thái	Sơn La	8.4	Giỏi	C 00076174	14/C11/2025/409		
12	Nguyễn Thị	Hằng	03/02/1982	Nữ	Kinh	Sơn La	7.5	Khá	C 00076175	14/C11/2025/410		
13	Phan Thu	Hằng	09/09/1998	Nữ	Kinh	Sơn La	8.1	Giỏi	C 00076176	14/C11/2025/411		
14	Mùi Trung	Hiếu	04/05/1995	Nam	Mường	Sơn La	7	Khá	C 00076177	14/C11/2025/412		
15	Nguyễn Thu	Hoài	15/11/2002	Nữ	Kinh	Sơn La	7.7	Khá	C 00076178	14/C11/2025/413		
16	Lê Huy	Hoàng	05/09/1992	Nam	Kinh	Sơn La	7.2	Khá	C 00076179	14/C11/2025/414		
17	Hoàng Thị	Hồng	06/02/1990	Nữ	Thái	Sơn La	7.7	Khá	C 00076180	14/C11/2025/415		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTBCTBC cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
18	Lò Văn	Hồng	08/12/1984	Nam	Thái	Sơn La	8	Giỏi	C 00076181	14/C11/2025/416		
19	Bùi Thị Thu	Huyền	01/09/1988	Nữ	Kinh	Sơn La	8.1	Giỏi	C 00076182	14/C11/2025/417		
20	Lò Thị Hương	Lan	17/04/1987	Nữ	Thái	Sơn La	7.3	Khá	C 00076183	14/C11/2025/418		
21	Vũ Thùy	Linh	21/06/1994	Nữ	Kinh	Sơn La	7.4	Khá	C 00076184	14/C11/2025/419		
22	Lò Thị	Loan	12/12/1987	Nữ	Thái	Sơn La	7.6	Khá	C 00076185	14/C11/2025/420		
23	Lò Thị	Minh	15/05/1993	Nữ	Thái	Sơn La	8.8	Giỏi	C 00076186	14/C11/2025/421		
24	Hoàng Thị	Nở	08/01/1993	Nữ	Thái	Sơn La	8.5	Giỏi	C 00076187	14/C11/2025/422		
25	Hà Huyền	Nhung	06/04/2003	Nữ	Thái	Sơn La	7.8	Khá	C 00076188	14/C11/2025/423		
26	Nguyễn Thị	Oanh	19/01/1985	Nữ	Kinh	Sơn La	7	Khá	C 00076189	14/C11/2025/424		
27	Lầu A	Phóng	14/06/1992	Nam	Mông	Sơn La	7	Khá	C 00076190	14/C11/2025/425		
28	Lò Thị	Phương	12/10/1998	Nữ	Thái	Lai Châu	7.6	Khá	C 00076191	14/C11/2025/426		
29	Nguyễn Thị Minh	Phương	01/07/1997	Nữ	Kinh	Hà Nội	7.2	Khá	C 00076192	14/C11/2025/427		
30	Nguyễn Văn	Phường	10/12/1989	Nam	Kinh	Thái Bình	7.7	Khá	C 00076193	14/C11/2025/428		
31	Trần Đăng Cao	Quý	11/10/1999	Nam	Kinh	Sơn La	7.4	Khá	C 00076194	14/C11/2025/429		
32	Bùi Thị Như	Quỳnh	26/03/1988	Nữ	Kinh	Sơn La	7.1	Khá	C 00076195	14/C11/2025/430		
33	Hà Thị Thu	Quỳnh	14/10/1998	Nữ	Thái	Sơn La	8.2	Giỏi	C 00076196	14/C11/2025/431		
34	Lò Thị	Suân	06/11/1994	Nữ	Thái	Sơn La	8.4	Giỏi	C 00076197	14/C11/2025/432		
35	Lê Thanh	Tùng	11/03/1989	Nam	Kinh	Sơn La	7	Khá	C 00076198	14/C11/2025/433		
36	Hà Văn	Thánh	08/03/1991	Nam	Thái	Sơn La	8.2	Giỏi	C 00076199	14/C11/2025/434		
37	Cầm Thị Phương	Thảo	19/07/2003	Nữ	Thái	Sơn La	8.8	Giỏi	C 00076200	14/C11/2025/435		
38	Lường Thị Phương	Thắm	08/08/2004	Nữ	Thái	Sơn La	7.8	Khá	C 00076201	14/C11/2025/436		
39	Đèo Thị	Thiệt	05/02/1987	Nữ	Thái	Sơn La	8.2	Giỏi	C 00076202	14/C11/2025/437		
40	Lò Thị	Thoáng	12/10/1991	Nữ	Thái	Sơn La	8.2	Giỏi	C 00076203	14/C11/2025/438		
41	Đèo Minh	Thu	30/08/1984	Nữ	Thái	Sơn La	6.8	Khá	C 00076204	14/C11/2025/439		
42	Lù Hồng	Thu	11/12/1988	Nữ	Thái	Sơn La	7.3	Khá	C 00076205	14/C11/2025/440		

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Nơi sinh	ĐTB cuối khóa	Xếp loại	Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Người nhận chứng chỉ ký và ghi rõ họ tên	Ghi chú
43	Hoàng Thị	Thủy	25/03/2004	Nữ	Thái	Sơn La	7.7	Khá	C 00076206	14/C11/2025/441		
44	Phạm Thị	Thủy	30/07/1980	Nữ	Kinh	Sơn La	6.9	Khá	C 00076207	14/C11/2025/442		
45	Lò Thị	Vân	23/03/1997	Nữ	Thái	Sơn La	7.9	Khá	C 00076208	14/C11/2025/443		
46	Nguyễn Thị	Vân	16/07/1989	Nữ	Kinh	Sơn La	7.2	Khá	C 00076209	14/C11/2025/444		
47	Hà Hải	Yến	14/08/1997	Nữ	Kinh	Sơn La	7.8	Khá	C 00076210	14/C11/2025/445		
48	Lương Hải	Yến	30/11/1991	Nữ	Thái	Sơn La	7	Khá	C 00076211	14/C11/2025/446		

Danh sách gồm có 48 học viên./.

Sơn La, ngày 13 tháng 11 năm 2025

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Đức Long